

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HUẾ  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/DS-ST

Ngày: 30/7/2020

*“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Mộng Trinh;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Diệu Hương;

2. Bà Ngô Thị Thúy Liễu

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Trương Bảo Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Khánh Nhạc, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2020/QĐST-DS ngày 16/7/2020, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ; địa chỉ: Số 130 đường P, phường 3, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T-Chủ tịch Hội đồng quản trị; đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T; ông Nguyễn Thanh N- Giám đốc Phòng giao dịch Mai Thúc Loan – Chi nhánh Huế; bà Huyền Tôn Nữ Xuân L- Nhân viên khách hàng cá nhân – Phòng giao dịch Mai Thúc Loan; địa chỉ liên lạc: Số 82 đường Mai Thúc Loan, phường Thuận Lộc, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông N có mặt.

\* Bị đơn: Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 24 kiệt 16 đường Mang C, phường Phú Bình, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt lần thứ 02;

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lương Công H, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 24 kiệt 16 đường M, phường Phú Bình, thành phố Huế, vắng mặt lần thứ 02.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần ĐÁ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Đ) trình bày:

Bà Lê Thị Thu T có quan hệ tín dụng với Ngân hàng Đ - Chi nhánh Huế- Phòng giao dịch Mai Thúc Loan. Ngày 04/8/2017, hai bên ký kết hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00248654/0136808401T17050, theo đó, Ngân hàng Đ cho bà T

vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 9%/năm theo dư nợ ban đầu, mục đích vay bổ sung vốn làm ăn, hình thức vay tín chấp.

Quá trình vay vốn từ ngày 05/8/2017 đến ngày 27/02/2018, bà T đã trả được số tiền 10.920.000 đồng, trong đó gồm 9.604.617 đồng nợ gốc; 1.315.383 đồng nợ lãi trong hạn, sau đó bà T không trả theo cam kết. Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 05/3/2018, Ngân hàng Đ đã chuyển toàn bộ số nợ vay mà bà Trang chưa trả sang nợ quá hạn. Ngày 18 tháng 02 năm 2020, nguyên đơn khởi kiện buộc bà T và ông H thanh toán số nợ còn lại.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc bà Lê Thị Thu T và ông Lương Công H có nghĩa vụ liên đới trả một lần toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/7/2020 tổng cộng là 14.000.984 đồng, trong đó gồm nợ gốc là 10.395.383 đồng, nợ lãi trong hạn là 484.617 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.120.984 đồng cho Ngân hàng Đ; và tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất mà các bên đã ký trong hợp đồng tín dụng.

Bị đơn là bà Lê Thị Thu T tại biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2020 trình bày: Bà và chồng là ông Lương Công H có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Đ để vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm, thời hạn vay 12 tháng, mục đích là để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Quá trình vay vợ chồng bà đã thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng 06 lần với số tiền là 10.920.000 đồng. Sau đó do kinh tế khó khăn nên bà không thể tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng. Bà thừa nhận vợ chồng bà còn nợ của Ngân hàng Đ số tiền tạm tính đến ngày 02/6/2020 là 13.774.885 đồng, trong đó nợ gốc là 10.395.383 đồng, lãi trong hạn là 484.617 đồng, lãi quá hạn là 2.894.885 đồng. Bà đồng ý trả số tiền trên với phương thức trả góp hàng tháng, mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lương Công H, quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ việc nhưng ông H không đến. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lập biên bản công khai chứng cứ và hòa giải, lấy lời khai theo thủ tục tố tụng dân sự được.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự; về tố tụng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 để tiến hành phiên tòa vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 để tiến hành phiên tòa vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 463, 465, 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Lê Thị Thu T và ông Lương Công H có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ là 14.000.984 đồng, trong đó gồm nợ gốc 10.395.383 đồng, nợ lãi trong hạn 484.617 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.120.984 đồng; bà T và ông H phải thanh toán số tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng Đ theo lãi suất mà

các bên đã ký trong hợp đồng tín dụng; về án phí: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị Thu T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lương Công H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 04/8/2017, giữa Ngân hàng Đ và bà Lê Thị Thu T có ký kết đồng tín dụng số 00248654/0136808401T17050. Theo đó, Ngân hàng Đ đã cho bà T vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 9%/năm theo dư nợ ban đầu. Xét hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ đúng quy định của pháp luật về nội dung lẫn hình thức, nên đây là một giao dịch dân sự hợp pháp.

Trước khi ký hợp đồng vay, ngày 20/6/2017 vợ chồng bà T và ông H có giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, ông Hiền là chồng bà Trang đã ký xác nhận với tư cách là người bảo lãnh có xác nhận của Hội liên hiệp phụ nữ phường Phú Bình, thành phố Huế.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2020, bà T đã thừa nhận vợ chồng bà có vay nợ như ngân hàng khởi kiện là đúng. Tuy nhiên, do tình hình kinh tế khó khăn nên bà không thể trả nợ cho Ngân hàng theo như cam kết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lương Công H, trong quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến về các khoản vay cũng như khoản tiền lãi phát sinh, nhưng ông H vẫn cố tình vắng mặt, xem như đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của chính mình trước phiên tòa.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã cam kết, nên ngày 05/3/2018, Ngân hàng Đ đã chuyển toàn bộ số nợ vay mà bà T chưa trả sang nợ quá hạn là có căn cứ. Do bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ còn lại, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Thu T và ông Lương Công H có nghĩa vụ liên đới trả một lần toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/7/2020 là 14.000.984 đồng, trong đó gồm nợ gốc 10.395.383 đồng, nợ lãi trong hạn 484.617 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.120.984 đồng; và bà T, ông H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Đ số tiền lãi quá hạn phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 31/7/2020 đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc này là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Thu T phải chịu án phí theo quy định, cụ thể là 14.000.984 đồng x 5% = 700.049 đồng (Làm tròn số là 700.000 đồng); nguyên đơn không phải chịu án phí, được trả lại tạm ứng án phí đã nộp;

Bởi các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH :**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 351, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

**1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ**

Buộc bà Lê Thị Thu T và ông Lương Công H phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền còn nợ là 14.000.984 đồng (Trong đó gồm nợ gốc là 10.395.383 đồng, nợ lãi trong hạn 484.617 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.120.984 đồng);

Buộc bà Lê Thị Thu T và ông Lương Công H phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền lãi quá hạn phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 31/7/2020 đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

### **2. Về án phí:**

- Buộc bà Lê Thị Thu T phải chịu 700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ 334.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/009823 ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; được bổ sung theo Luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

### **Nơi nhận:**

- TAND TT. Huế;
- VKSND TP. Huế;
- THADS TP. Huế;
- Các đương sự;
- Lưu án;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Thị Mộng Trinh**